**CÂU HỎI ÔN TẬP – HÓA HỌC 9 (PHẦN HỮU CƠ)**

**HS ôn tập khi nghỉ dịch Covid -19**

**Đề 1**

**I. Trắc nghiệm***.(5đ)* ***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng***

**Câu 1:** Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ ?

A. CH4, C2H6, CO2. B. C6H6, CH4, C2H5OH.

C. CH4, C2H2, CO. D. C2H2, C2H6O, CaCO3.

**Câu 2:** Dãy các chất nào sau đây đều là hiđrocacbon ?

A. C2H6, C4H10, C2H4. B. CH4, C2H2, C3H7Cl.

C. C2H4, CH4, C2H5Cl. D. C2H6O, C3H8, C2H2.

**Câu 3:** Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hiđrocacbon ?

A. C2H6O, CH4, C2H2. B. C2H4, C3H7Cl, CH4.

C. C2H6O, C3H7Cl, C2H5Cl. D. C2H6O, C3H8, C2H2.

**Câu 4:** Trong các chất sau: CH4, CO2, C2H4, Na2CO3, C2H5ONa có

A. 1 hợp chất hữu cơ và 4 hợp chất vô cơ. B. 2 hợp chất hữu cơ và 3 hợp chất vô cơ.

C. 4 hợp chất hữu cơ và 1 hợp chất vơ cơ. D. 3 hợp chất hữu cơ và 2 hợp chất vô cơ.

**Câu 5:** Thành phần phần trăm về khối lượng của các nguyên tố C, H, O trong C2H6O lần lượt là

A. 52,2%; 13%; 34,8%. B. 52,2%; 34,8%; 13%.

C. 13%; 34,8%; 52,2%. D. 34,8%; 13%; 52,2%

**Câu 6:** Hoá trị của cacbon, oxi, hiđro trong hợp chất hữu cơ lần lượt là

A. IV, II, II. B. IV, III, I. C. II, IV, I**.** D. IV, II, I.

**Câu 7:** Trong các hợp chất hữu cơ, cacbon luôn có hoá trị

A. I. B. IV. C. III. D. II.

**Câu 8:** Nguyên tử cacbon có thể liên kết trực tiếp với nhau tạo thành các dạng mạch cacbon là

A. mạch vòng. B. mạch thẳng, mạch nhánh.

C. mạch vòng, mạch thẳng, mạch nhánh. D. mạch nhánh.

**Câu 9:** Công thức cấu tạo của một hợp chất cho biết

A. thành phần phân tử.

B. trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

C. thành phần phân tử và trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

D. thành phần phân tử và sự tham gia liên kết với các hợp chất khác.

**Câu 10:** Hãy cho biết chất nào sau đây trong phân tử chỉ có liên kết đơn ?

A. C6H6. B. C2H4. C. CH4. D. C2H2.

**Câu 11:** Số liên kết đơn trong phân tử C4H10 là

A. 10. B. 13. C. 14. D. 12.

**Câu 12:** Số liên kết đơn trong phân tử C4H8 là

A. 10. B. 9. C. 8. D. 13.

**Câu 13:** Hợp chất C3H6 có bao nhiêu công thức cấu tạo dạng mạch vòng ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 14:** Công thức nào sau đây có chứa liên kết ba ?

A. C2H4 (etilen). B. CH4 (metan).

C. C2H2 (axetilen). D. C6H6 (benzen).

**Câu 15:** Dãy các chất nào sau đây trong phân tử chỉ có liên kết đơn ?

A. CH4, C2H2. B. C2H4, C3H6.

C. CH4, C2H6. D. C2H2, CH4.

**Câu 16:** Một hợp chất hữu cơ có công thức C3H7Cl , có số công thức cấu tạo là

A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

**Câu 17:** Có các công thức cấu tạo sau:

1. CH3 – CH2 – CH2 – CH2 – CH3 

 

Các công thức cấu tạo trên biểu diễn mấy chất ?

A. 3 chất. B. 2 chất. C. 1 chất. D. 4 chất.

**Câu 18:** Số công thức cấu tạo của C4H10 là

A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

**Câu 19:** Một hợp chất rượu có công thức C3H7OH. Số công thức cấu tạo của rượu trên là bao nhiêu?

A. 4 B. 5 C. 3 D. 2

**Câu 20:** Cho các công thức cấu tạo sau:

1. CH3 – CH2 – CH2 – CH2 – OH 

 

­­Các công thức trên biểu diễn mấy chất ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 21:** Khi phân tích một hiđrocacbon (X) chứa 81,82% cacbon. Công thức phân tử của (X) là

A. C3H8. B. C3H6. C. C2H4. D. C4H10.

**Câu 22:** Một hiđrocacbon (X) ở thể khí có phân tử khối nặng gấp đôi phân tử khối trung bình của không khí. Công thức phân tử của (X) là

A. C4H10. B. C4H8. C. C4H6. D. C5H10.

**Câu 23:** Chất có phần trăm khối lượng cacbon lớn nhất là

A. CH4. B. CH3Cl. C. CH2Cl2. D. CHCl3.

**Câu 24:** Hiđrocacbon A có phân tử khối là 30 đvC. Công thức phân tử của A là

A. CH4. B. C2H6. C. C3H8. D. C2H4.

**Câu 25:** Tỉ khối hơi của khí A đối với CH4 là 1,75 thì khối lượng phân tử của A là

A. 20 đvC. B. 24 đvC. C. 29 đvC. D. 28 đvC.

**II. Tự luận (5đ)**

**Câu 26: (**2đ) Viết CTCT có thể có của các chất có CTPT sau: CH3Br; C4H10; C4H10O

**Câu 27:** (3đ).Đốt cháy hoàn toàn 4,4 gam hiđrocacbon (A) thu được H2O và 13,2 gam CO2. Xác định công thức phân tử, viết công thức cấu tạo của (A) .

**Cho C = 12; H = 1; Cl = 35,5**